CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Đô thị

Ngày 30/09/2025	7,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**2.5%**	**-7.1%**

DT thuần
Q3/25
17.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.20| -23.4%
YoY: ▲ 12.2| 252%

LN thuần
Q3/25
2.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.68| 166%
YoY: ▲ 1.07| 66.1%

LN sau thuế
Q3/25
1.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.19| 176%
YoY: ▲ 0.61| 48.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
14.0%
YoY: +/-▲ 10.9%

ROE (TTM)
Q3/25
1.0%
YoY: +/-▲ 0.3%

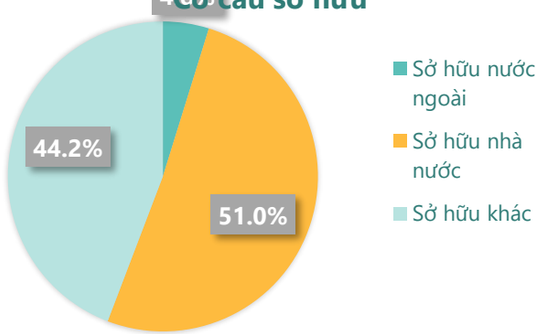
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,844 - 8,625
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
Số lượng CPLH (CP)	16,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,185
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	0.68
EPS	140
P/E	52.8

DT thuần
9T 2025
43.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.7| 119%

LN thuần
9T 2025
2.82
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.63| -62.2%

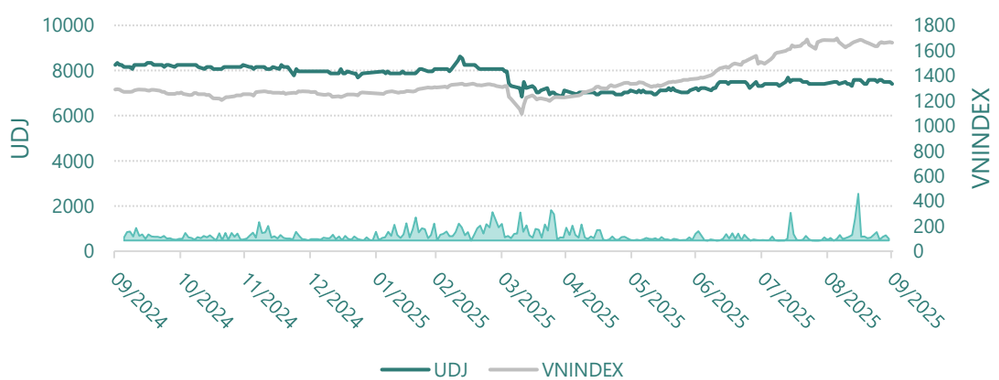
LN sau thuế
9T 2025
1.37
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.46| -76.5%

Cơ cấu sở hữu

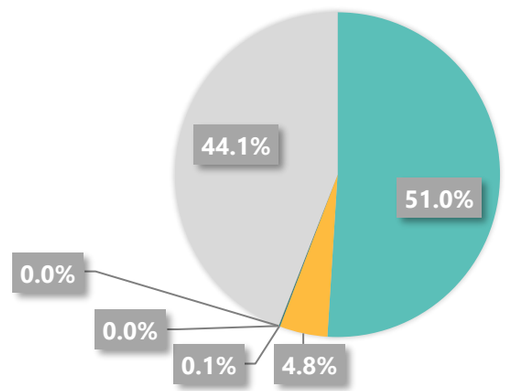


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



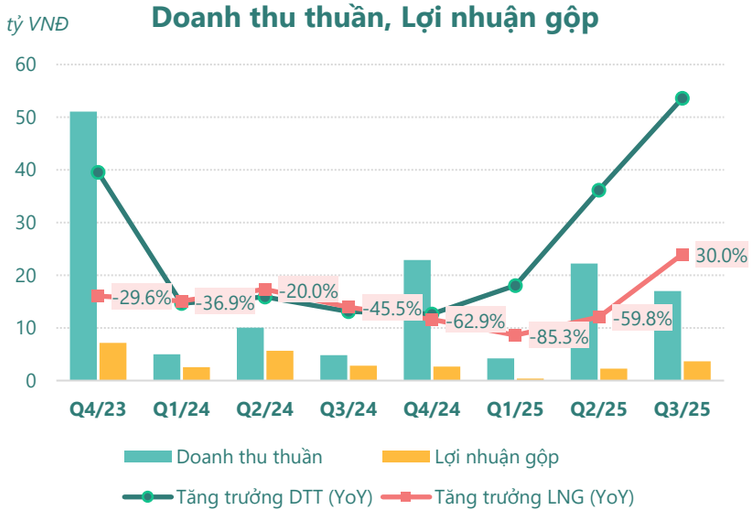
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

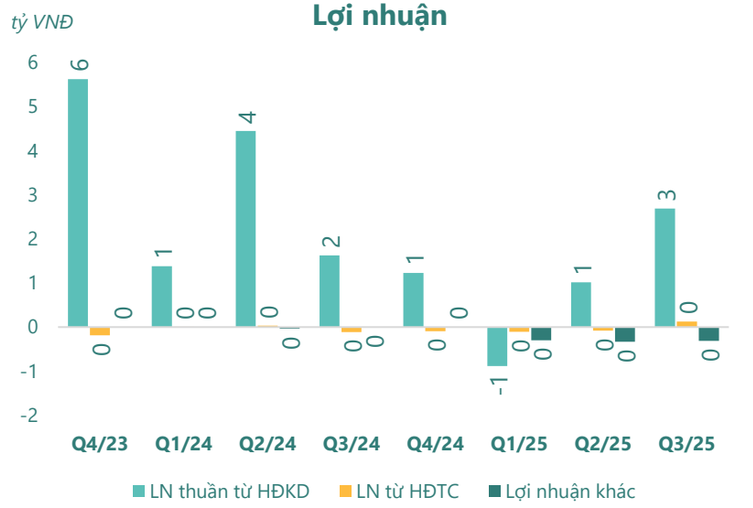
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



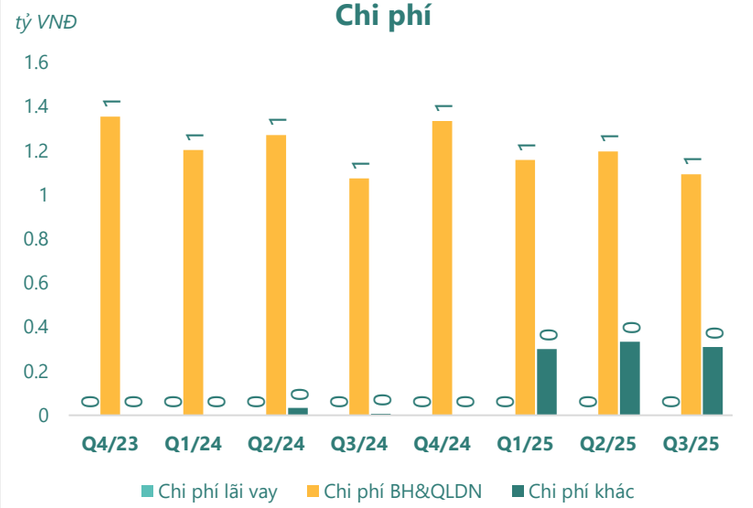
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



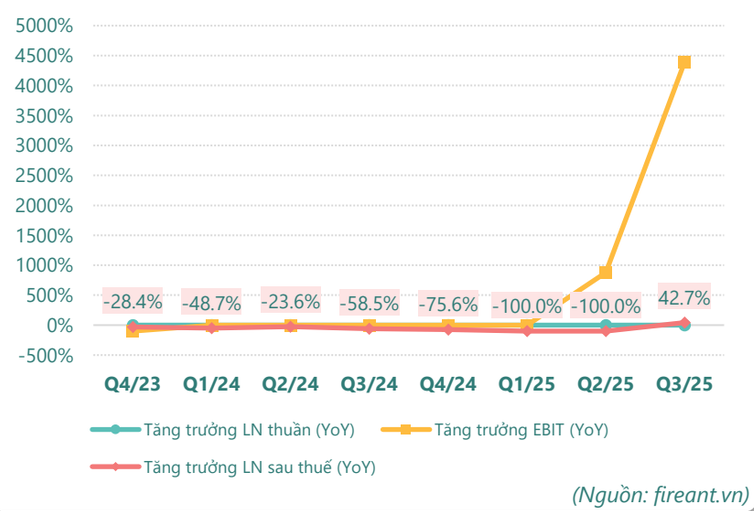
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



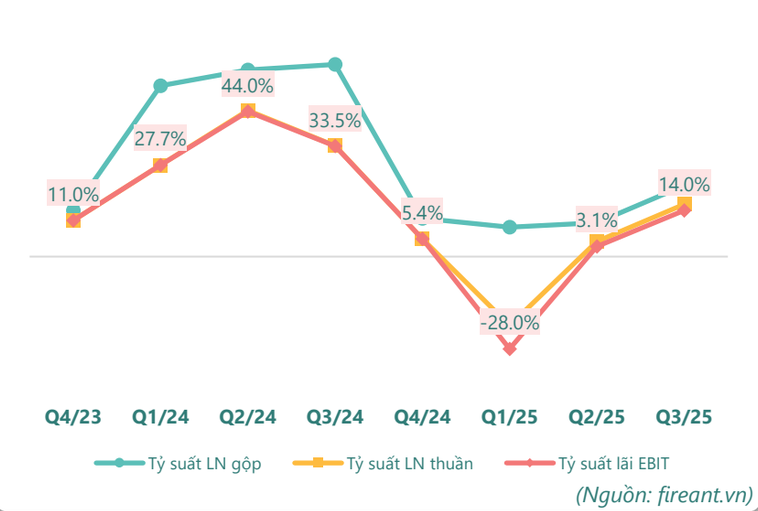
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

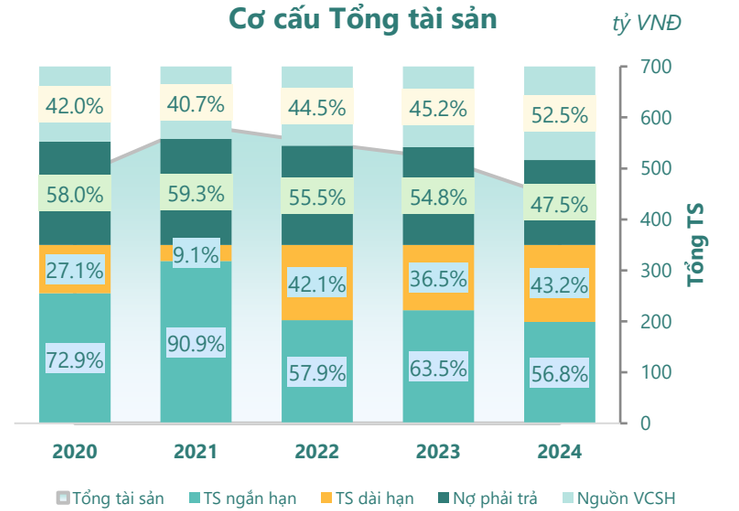
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

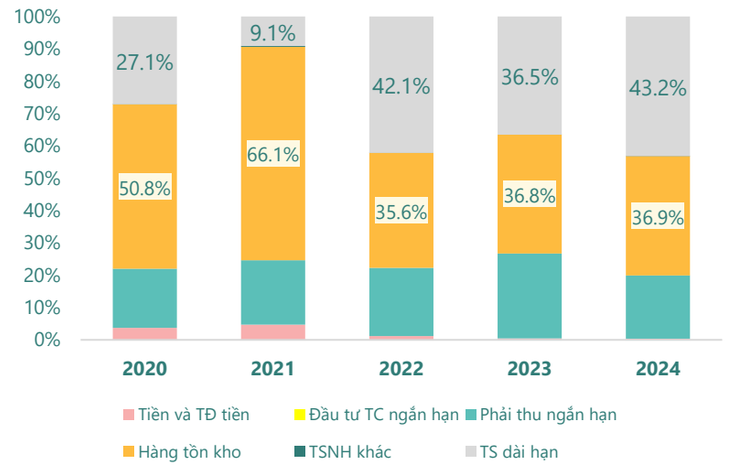
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



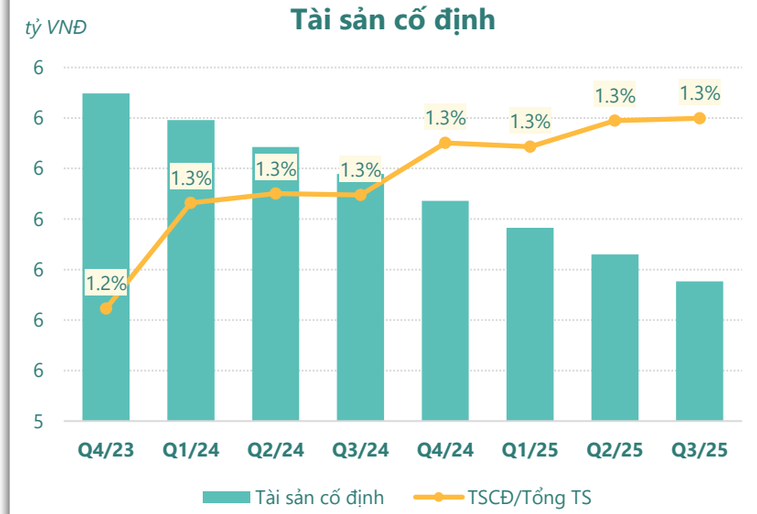
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



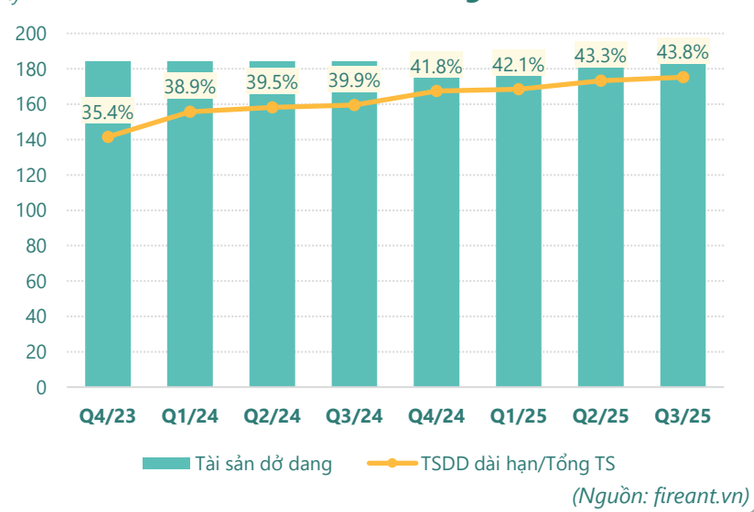
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



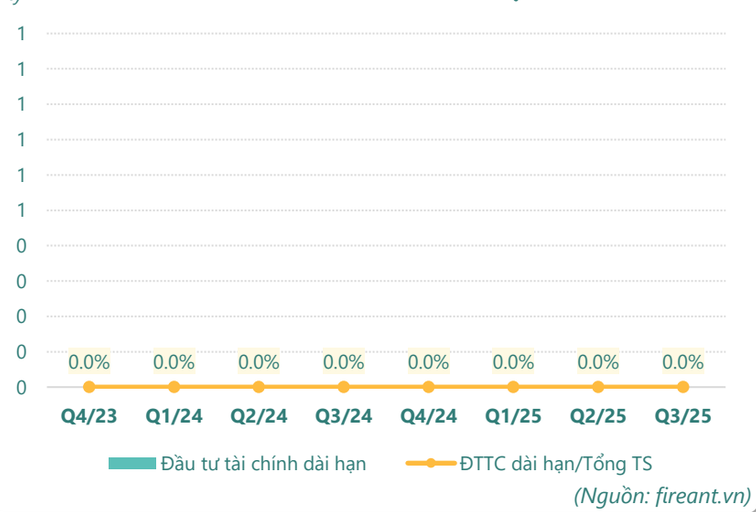
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



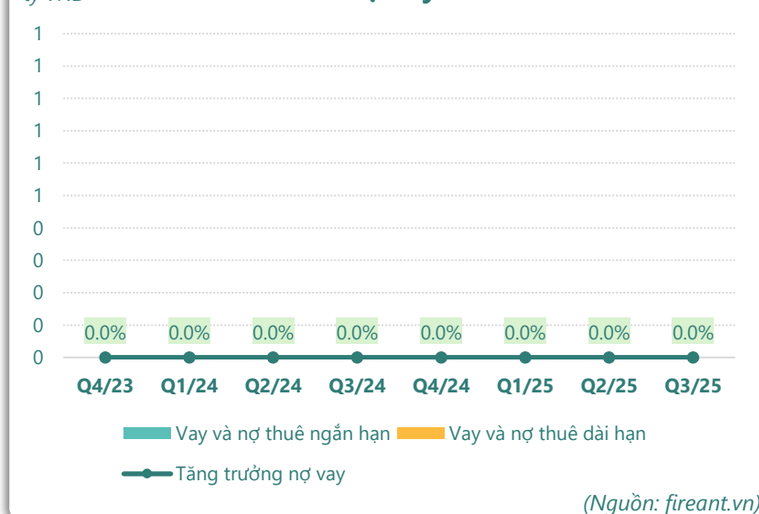
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

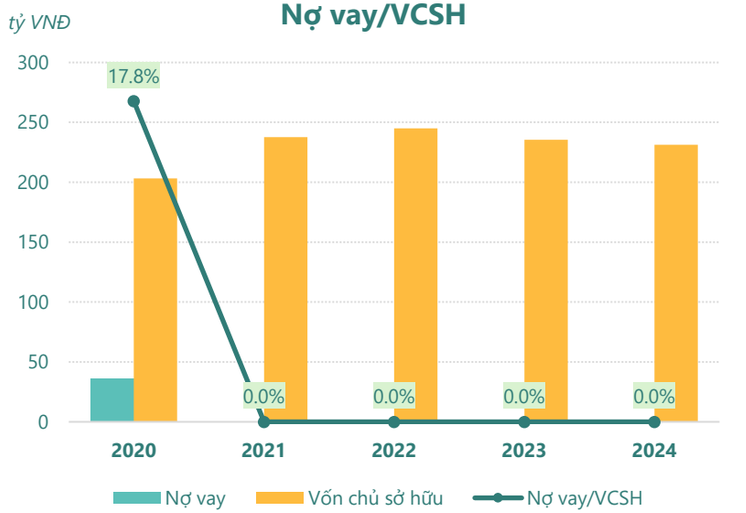
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

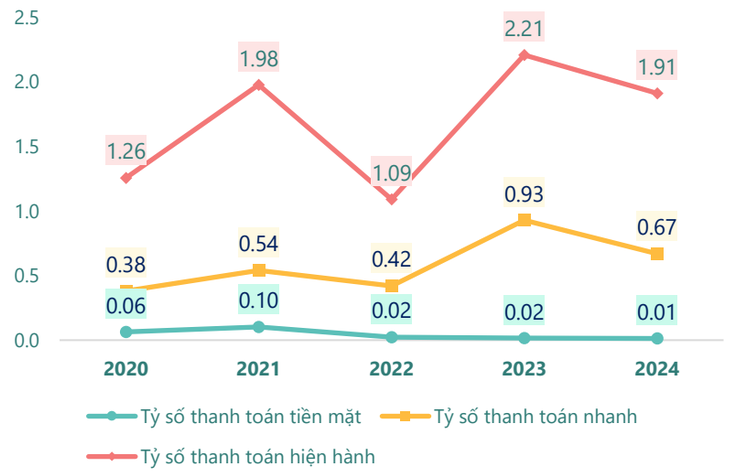
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



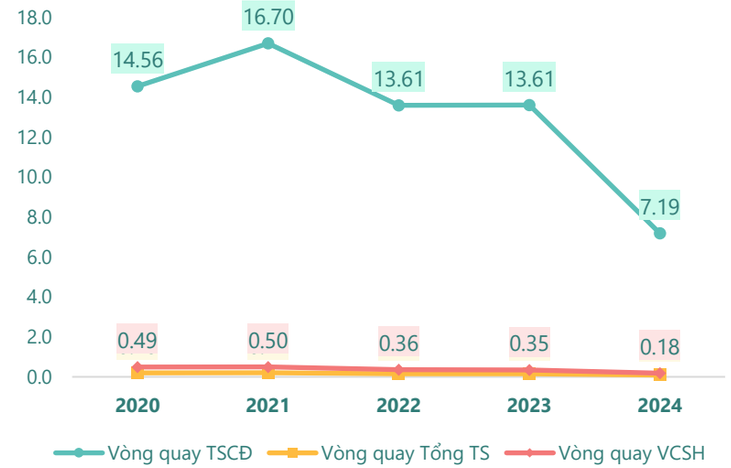
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



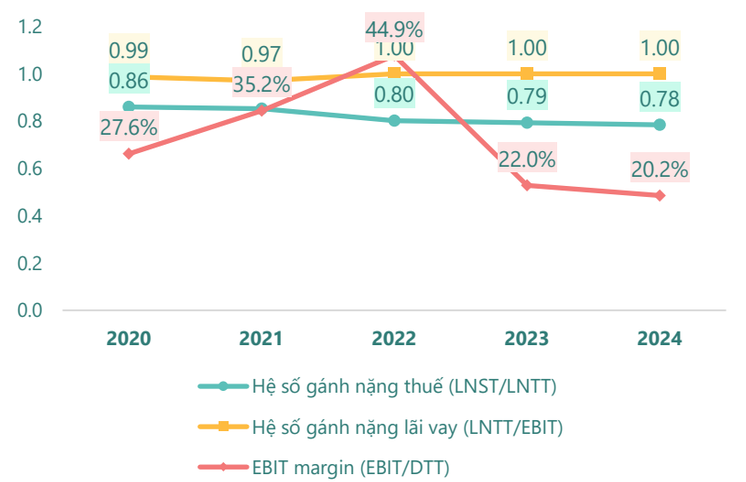
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



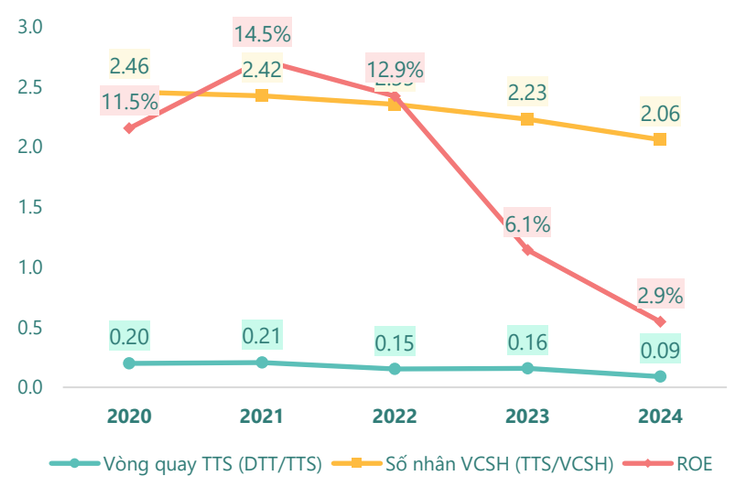
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



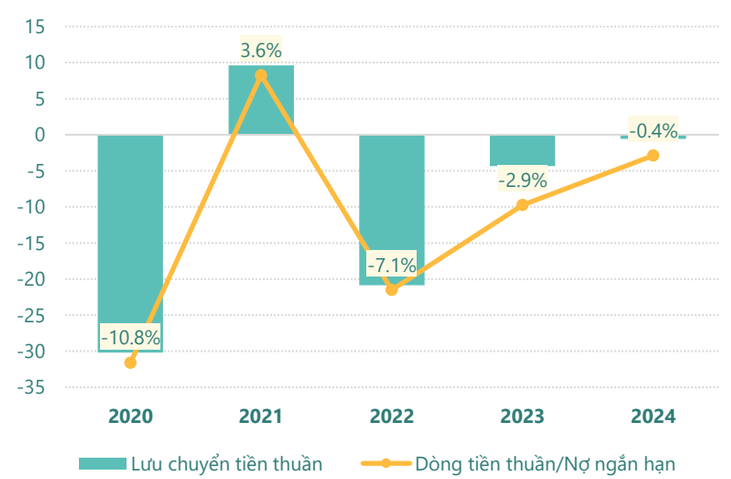
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**17.0**	**4.83**	**252%**	**43.5**	**19.8**	**119%**
Giá vốn hàng bán	13.3	2.02	560%	37.1	8.77	324%
Lợi nhuận gộp	3.65	2.81	30.0%	6.32	11.1	-42.9%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.04	222%	0.15	0.08	75.0%
Chi phí TC	0	0.15	-100%	0.20	0.15	30.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.09**	**1.07**	**2.1%**	**3.45**	**3.55**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	2.69	1.62	66.1%	2.82	7.45	-62.2%
Lợi nhuận khác	**-0.31**	**-0.01**	**-3001%**	**-0.94**	**-0.04**	**-2207%**
LN trước thuế	2.38	1.62	46.9%	1.87	7.41	-74.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.87**	**1.26**	**48.7%**	**1.37**	**5.83**	**-76.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.87**	**1.26**	**48.7%**	**1.37**	**5.83**	**-76.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.60	-0.97	1.00	-0.37	15.0	4.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.04	0.01	0	0.01	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.0	-0.28	-4.69	-0.04	-5.11	-0.03
Tiền đầu kỳ	7.98	6.58	5.38	1.70	1.29	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.40**	**-1.21**	**-3.68**	**-0.41**	**9.91**	**5.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.58	5.38	1.70	1.29	11.2	16.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**421**	**440**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	231	250	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	16.2	1.70	853%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	87.8	85.9	2.3%
Hàng tồn kho	126	163	-22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.96	0.04	2101%
Tài sản dài hạn	**190**	**190**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.68	5.84	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	184	184	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.01**	**-52.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	197	209	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**118**	**131**	**-9.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	81.4	84.1	-3.1%
Nợ dài hạn	78.3	78.3	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**224**	**231**	**-3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**224**	**231**	**-3.2%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)